

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2019/HNGĐ - ST.

Ngày: 17/10/2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Thanh Tuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đoàn Hạnh Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Hoàng N xây dựng gia đình với nhau năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 28/6/2018.

Sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bất hòa và thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều khác biệt về tính cách, lối sống và quan điểm hai bên không hòa hợp. Mỗi khi mâu thuẫn, anh N lại chửi mắng và đuổi chị L ra khỏi nhà, dần dần giữa hai bên có khoảng cách và không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện để hai bên hiểu nhau hơn, cùng hàn gắn tình cảm nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại cãi nhau nên không khí gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Nay chị L xác định mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng kéo dài, chị không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mua một chiếc xe Air Blade màu trắng, biển số 49D1-55864 đứng tên Nguyễn Thị Thùy L. Nguồn gốc tiền mua xe là do sau khi kết hôn chị L đã bán chiếc xe Janus biển số 49D1-49997 là tài sản riêng của chị L, được 20.000.000đồng và vợ chồng bù thêm 20.000.000đồng để mua. Hiện nay xe máy và giấy tờ xe anh N đang giữ. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nhận xe máy trên và chị sẽ thanh toán cho anh N 9.000.000đồng tiền đã góp mua xe.

Về nợ chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành làm việc được với anh N. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho mẹ anh N, mẹ anh N cam kết giao cho anh N theo quy định. Tuy nhiên, anh N đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do anh N vắng mặt nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L. Không đặt ra để xem xét giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thùy L vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt còn anh Nguyễn Hoàng N vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh N theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Hoàng N xây dựng gia đình với nhau năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 28/6/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được năm tháng thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự sống ly thân đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh N. Còn anh N vắng mặt và không có ý kiến trình bày về các vấn đề giải quyết trong vụ án. Xét thấy, chị L và anh N mới kết hôn với nhau nhưng anh chị không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn phát sinh giữa anh chị không lớn nhưng anh chị không cố gắng giải quyết mà chọn giải pháp ly thân, phần ai người đó sống và không còn sự quan tâm đến nhau. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng tạo điều kiện về thời gian để hòa giải nhưng cả hai bên đều không có thiện chí để cải thiện tình cảm vợ chồng, cụ thể chị L thì làm đơn xin giải quyết vắng mặt còn anh N thì vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể hòa giải được. Vì vậy, nếu kéo dài quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự, căn cứ

Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh N được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh N không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mua một chiếc xe Air Blade màu trắng, biển số 49D1-55864 đứng tên Nguyễn Thị Thùy L. Nguồn gốc tiền mua xe là do sau khi kết hôn chị L đã bán chiếc xe Janus biển số 49D1-49997 là tài sản riêng của chị L, được 20.000.000đồng và vợ chồng bù thêm 20.000.000đồng để mua. Hiện nay xe máy nay giá trị khoảng 38.000.000đồng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nhận chiếc xe máy trên và chị sẽ thanh toán cho anh N 9.000.000đồng tiền đã góp mua xe. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N vẫn không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề tài sản chung. Tuy nhiên, đến ngày 06/9/2019 thì chị L có đơn xin rút đơn yêu cầu chia tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này chị L và anh N phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] *Về nợ chung*: Chị L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh N không có văn bản trình bày yêu cầu liên quan đến nợ chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định anh chị có nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L, xử cho chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Hoàng N được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thùy L đã nộp là 775.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001262 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 475.000đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) tạm ứng án phí chị L đã nộp.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy